

I. QUÊ HƯƠNG - GIA ĐÌNH

Quê hương của Người là vùng đất nghèo thuộc huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, nơi người dân phải chống chọi với thiên tai khắc nghiệt, ruộng đất khô cằn, mất mùa thường xuyên, cuộc sống lam lũ đã hằn sâu trong tiềm thức, được phản ánh qua câu ca dao:

*“Làng Sen đóng khó thay quần
Ít cơm, nhiều cháo tảo tần quanh năm.”*

Mặc dù, điều kiện tự nhiên hết sức khắc nghiệt nhưng người dân xứ Nghệ rất giàu truyền thống văn hóa và đánh giặc, giữ nước. Nơi đây hội tụ nhiều di tích lịch sử - văn hóa gắn với tên tuổi chiến công của các bậc anh hùng dân tộc, nêu cao chí khí chống ngoại xâm từ bao đời nay.

Hai làng Kim Liên và Hoàng Trù là một miền quê giàu cảnh sắc, với một nền văn hóa dân gian đa dạng và phong phú. Biết bao làn điệu dân ca nơi đây đã đi vào lòng người, đậm đà bản sắc dân tộc như: hát ví dặm, hò đũa, hát phường vải... Trải qua biết bao biến động, thăng trầm của lịch sử, truyền thống văn hóa đặc sắc của miền quê Kim Liên vẫn không ngừng tỏa sáng, tự hào.



Làng Sen, quê nội, nay thuộc xã Kim Liên, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An nơi Nguyễn Sinh Cung sống lúc nhỏ.

Hình 1: Làng Sen, quê nội, nay thuộc xã Kim Liên, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, nơi Nguyễn Sinh Cung sống lúc nhỏ.



Quê ngoại Hoàng Trù (tức làng Chùa), nay thuộc xã Kim Liên, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, nơi Nguyễn Sinh Cung ra đời.

Hình 2: Quê ngoại Hoàng Trù (tức làng Chùa), nay thuộc xã Kim Liên, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, nơi Nguyễn Sinh Cung ra đời.

Thân phụ của Người là ông Nguyễn Sinh Sắc, còn gọi là Huy (1862-1929). Ông Nguyễn Sinh Sắc, sinh năm 1862, vốn thông minh, ham học, sớm có chí lập thân. Năm 1901, ông thi đỗ Phó bảng, nhưng cuộc đời ông vẫn gắn liền với sự thanh bạch, giản dị, gắn bó với nhân dân. Ông không màng danh lợi triều đình, chỉ chuyên tâm dạy học, bốc thuốc chữa bệnh và giúp đỡ người nghèo. Tư tưởng yêu nước cùng nhân cách cao thượng của cụ đã ảnh hưởng sâu đậm đến các con. Ông mất năm 1929 tại Cao Lãnh (Đồng Tháp), thọ 67 tuổi.



Hình 3: Cụ Nguyễn Sinh Sắc, thân sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh

Thân mẫu Chủ tịch Hồ Chí Minh là bà Hoàng Thị Loan (1868-1901), người phụ nữ hiền hậu, đảm đang, hết lòng vì chồng con. Bà tần tảo làm ruộng, dệt vải nuôi con, hy sinh tất cả cho gia đình. Bà qua đời tại kinh thành Huế năm 1901, khi mới 33 tuổi, để lại nỗi tiếc thương vô hạn. Ban đầu, bà được an táng ở núi Tam Tầng (Huế). Năm 1922, hài cốt được đưa về quê nhà Kim Liên (Nam Đàn), đến năm 1942 chuyển lên núi Đại Huệ. Năm 1984, lăng mộ bà được xây dựng khang trang, xứng đáng với công lao của người mẹ đã sinh thành và nuôi dưỡng Chủ tịch Hồ Chí Minh.



Hình 4: Bà Hoàng Thị Loan, thân mẫu Chủ tịch Hồ Chí Minh

Chị cả của Chủ tịch Hồ Chí Minh là Nguyễn Thị Thanh (1884-1954), còn gọi là Bạch Liên, và anh cả là Nguyễn Sinh Khiêm (1888-1950), tức Nguyễn Tất Đạt. Cả hai đều giàu lòng yêu nước, tích cực tham gia phong trào chống Pháp và nhiều lần bị tù đày. Được hun đúc từ truyền thống gia đình, họ không màng danh lợi, hy sinh tuổi trẻ cho sự nghiệp cứu nước, trở thành tấm gương sáng về nghĩa khí và lòng vị tha.



Hình 5: Bà Nguyễn Thị Thanh và ông Nguyễn Sinh Khiêm, chị ruột và anh ruột Chủ tịch Hồ Chí Minh



Hình 6: Chủ tịch Hồ Chí Minh (Nguyễn Tất Thành)

Nguyễn Tất Thành từ nhỏ đã thông minh, chăm học, ham tìm hiểu. Ngoài kiến thức sách vở, cậu còn tiếp thu nhiều bài học từ truyền thống và đời sống nhân dân. Những buổi sinh hoạt, thảo luận yêu nước giữa cụ Phó bảng và các sĩ phu Nghệ Tĩnh đã khơi dậy sớm tinh thần dân tộc trong cậu.

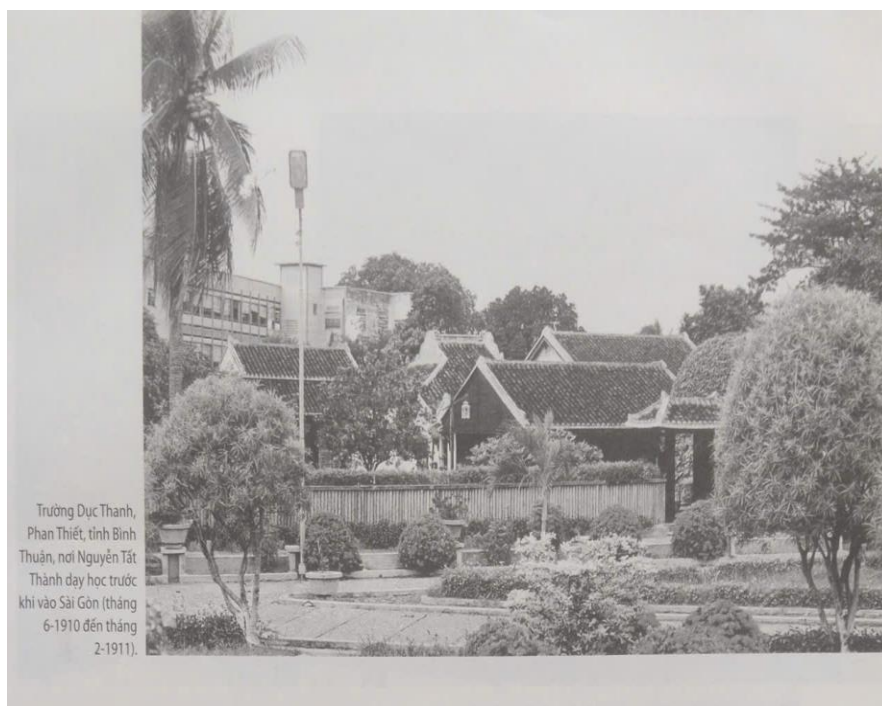
Năm 15 tuổi, Nguyễn Tất Thành tham gia công tác bí mật, liên hệ với các phong trào yêu nước chống Pháp,

chịu ảnh hưởng từ tư tưởng canh tân của Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh và phong trào Đông Du. Tháng 4 năm 1908, Nguyễn Tất Thành tham gia cùng nông dân Thừa Thiên biểu tình chống sưu thuế. Do đó, ông Nguyễn Sinh Sắc bị



Hình 7: Trường Quốc học Huế, nơi Nguyễn Tất Thành đã học tập trong những năm 1907 - 1908

triều đình khiển trách và chuyển công tác. Trong thời gian học ở Trường Quốc học Huế, Nguyễn Tất Thành có điều kiện tiếp cận sách báo tiến bộ và những người yêu nước.



Hình 8: Trường Dục Thanh, Phan Thiết, Bình Thuận, nơi Nguyễn Tất Thành dạy học (tháng 6/1910 đến tháng 2/1911)

Tháng 6 năm 1909, Người theo cha vào Bình Định khi cụ Sắc được bổ nhiệm tri huyện Bình Khê. Tại đây, Nguyễn Tất Thành theo học chương trình cao đẳng của Trường tiểu học Pháp - Việt Quy Nhơn.

Khi cha bị cách chức, Người tiếp tục vào Nam, dừng lại ở Phan Thiết, dạy học tại trường Dục Thanh- một ngôi trường do một số văn thân yêu nước lập ra. Ngôi trường này không chỉ truyền dạy những kiến thức văn hóa mà còn chú ý giáo dục tinh thần yêu nước, thương nòi.

Năm 1911, Nguyễn Tất Thành vào Sài Gòn, tiếp xúc với đời sống công nhân. Nhận thấy cả Nam Kỳ và Bắc Kỳ đều chìm trong ách thống trị, “nửa bảo hộ” hay “nửa thuộc địa” cũng chỉ là sự ràng buộc của thực dân. Từ đó, Người



Hình 9: Nhà số 5, đường Châu Văn Liêm, Q.5, Thành phố Hồ Chí Minh, nơi Nguyễn Tất Thành đã trú chân trước khi ra đi tìm đường cứu nước (đầu năm 1911)

hình thành ý chí phải tìm ra con đường mới để giải phóng dân tộc. Quyết tâm ấy chính là tiền đề cho bước ngoặt lớn: rời Tổ quốc đi tìm đường cứu nước.

II. QUÁ TRÌNH HOẠT ĐỘNG CÁCH MẠNG

1. Giai đoạn 1911- 1920

Ngày 5 tháng 6 năm 1911, sau một thời gian ngắn ở Sài Gòn, với tên Văn Ba, làm phụ bếp dưới tàu Đô đốc Latouche Tréville, Nguyễn Tất Thành rời bến cảng Nhà Rồng, bắt đầu chuyến hành trình ra đi tìm con đường cứu nước.

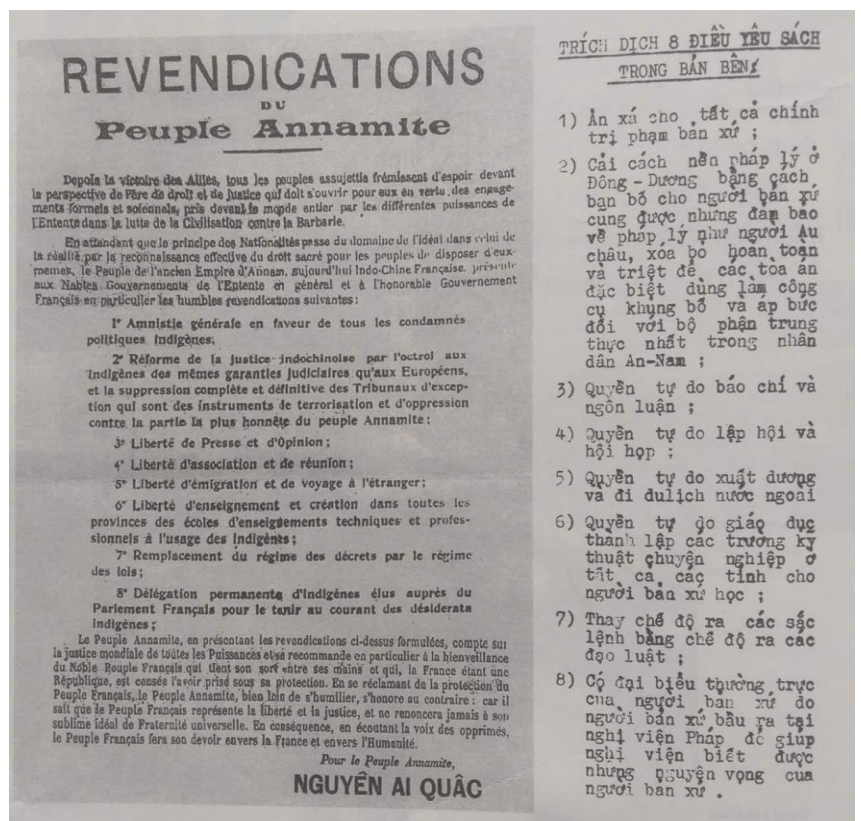


Hình 10: Tàu Đô Đốc Latouche Tréville

Trong những năm tháng lênh đênh trên biển, Người đặt chân đến hơn 30 quốc gia ở khắp các châu lục, từ châu Phi, châu Mỹ đến châu Âu, châu Á. Người đã tận mắt chứng kiến cuộc sống cơ cực của nhân dân lao động, nỗi thống khổ của các dân tộc thuộc địa, đồng thời càng thêm thấm thía nỗi đau mất nước. Trải nghiệm thực tiễn đó hun đúc trong Người quyết tâm tìm một con đường mới để giải phóng dân tộc, thoát khỏi ách nô lệ.

Cuối năm 1917, Nguyễn Tất Thành sang Anh, rồi trở lại Pháp, trực tiếp tham gia hoạt động trong cộng đồng Việt kiều và phong trào công nhân Pháp. Tại đây, Người tiếp xúc với luồng tư tưởng mới từ Cách mạng Tháng Mười Nga (1917). Thắng lợi của cách mạng này đã mở ra một kỷ nguyên mới trong lịch sử nhân loại - thời đại tan rã của chủ nghĩa tư bản và thắng lợi của chủ nghĩa xã hội trên phạm vi toàn thế giới. Từ đây, Người nhận thấy sự gắn bó giữa phong trào công nhân quốc tế và cách mạng giải phóng dân tộc, trong đó có cách mạng Việt Nam.

Cuối năm 1918, Nguyễn Tất Thành tham gia Đảng Xã hội Pháp, coi đó là nơi để bày tỏ lý tưởng yêu nước. Tháng 11 năm 1918, Chiến tranh thế giới thứ nhất kết thúc. Năm 1919, Hội nghị Versailles được triệu tập để tái lập trật tự thế giới. Tại hội nghị, thay mặt những người



Hình 11: Lần đầu tiên lấy tên Nguyễn Ái Quốc, thay mặt Hội những người Việt Nam yêu nước tại Pháp, gửi yêu sách 8 điểm của nhân dân Việt Nam tới Hội nghị Versailles ngày 18/6/1919

Việt Nam yêu nước, Nguyễn Ái Quốc (tên gọi mới của Nguyễn Tất Thành) gửi đến bản “Yêu sách của nhân dân An Nam”. Bản yêu sách đòi chính quyền Pháp công nhận quyền tự do, dân chủ và quyền bình đẳng cho dân tộc Việt Nam.

Đến tháng 7 năm 1920, khi đọc “Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa” của V.I. Lênin, Nguyễn Ái Quốc tìm thấy con đường cứu nước đúng đắn... *“Luận cương của Lê nin làm cho tôi rất cảm động, phấn khởi, sáng tỏ, tin tưởng biết bao. Tôi vui mừng đến phát khóc lên. Ngồi một mình trong buồng mà tôi nói lên như đang nói trước quần chúng đông đảo: “Hỡi đồng bào bị đọa đầy đau khổ, đây là cái cần thiết cho chúng ta, đây là con đường giải phóng chúng ta...”*

Đại hội lần thứ 18 của Đảng Xã hội Pháp diễn ra từ ngày 25 đến 30 tháng 12 năm 1920 tại thành phố Tours. Nguyễn Ái Quốc là đại biểu duy nhất của các dân tộc thuộc địa tham dự.



Hình 12, 13: Nguyễn Ái Quốc, đại biểu Đông Dương, tham dự Đại hội toàn quốc Đảng xã hội Pháp ở thành phố Tours (nước Pháp), tháng 12/1920

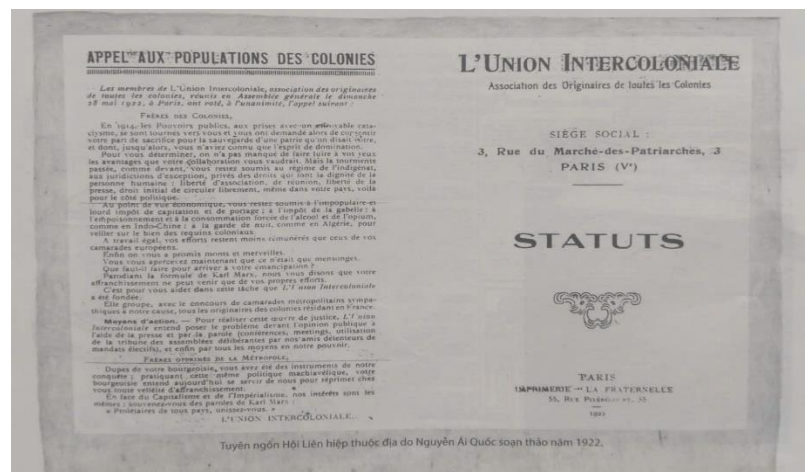
Tại Đại hội, Người kiên quyết bỏ phiếu tán thành Quốc tế Cộng sản và trở thành một trong những người sáng lập Đảng Cộng sản Pháp. Đây là bước ngoặt lịch sử: Nguyễn Ái Quốc từ một nhà yêu nước trở thành chiến sĩ cộng sản, xác định con đường cách mạng vô sản là lối đi duy nhất cho dân tộc Việt Nam.

Từ đây, Người không chỉ đấu tranh cho nhân dân Việt Nam mà còn gắn bó với phong trào giải phóng các dân tộc bị áp bức trên toàn thế giới, kiên định con đường cách mạng vô sản, coi đó là chân lý thời đại.

2. Giai đoạn 1920- 1924

Dưới ánh sáng nghị quyết của Quốc tế Cộng sản và “Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa” của Lênin, Nguyễn Ái Quốc sớm nhận ra nhiệm vụ phải đẩy mạnh công tác tuyên truyền, tổ chức phong trào cách mạng ở các nước thuộc địa, trong đó có Việt Nam.

Tháng 7 năm 1921, Người cùng một số nhà yêu nước tại các thuộc địa của Pháp thành lập Hội Liên hiệp thuộc địa, nhằm tập hợp và lãnh đạo phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc.



Hình 14: Tuyên ngôn Hội Liên hiệp thuộc địa do Nguyễn Ái Quốc soạn thảo



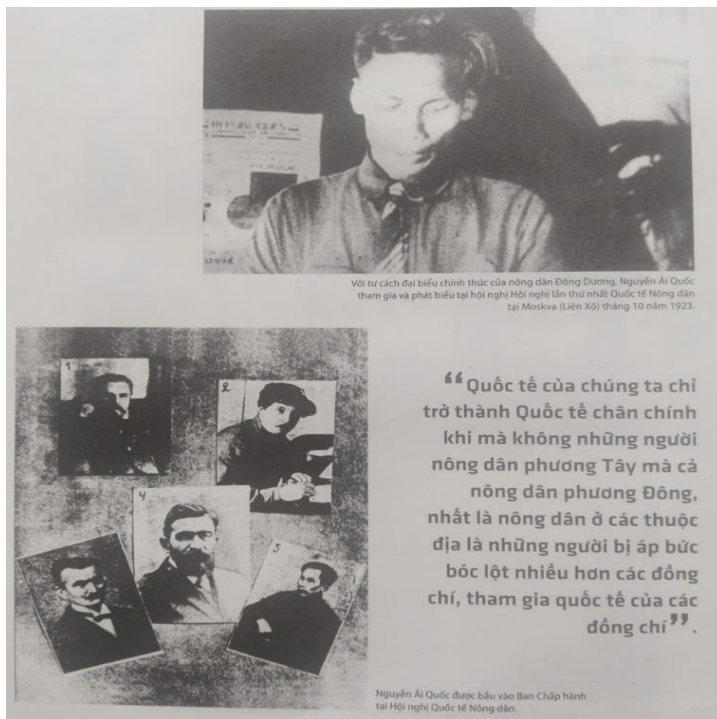
Hình 15: Báo Le Paria

Năm 1922, Hội cho xuất bản báo Le Paria (Người cùng khổ). Nguyễn Ái Quốc trực tiếp tham gia biên tập, viết nhiều bài báo vạch trần tội ác thực dân, đồng thời khẳng định quyền sống, quyền tự do của các dân tộc bị áp bức.

Trong thời gian này, Người còn viết tác phẩm Bản án chế độ thực dân Pháp, xuất bản tại Paris năm 1925. Tác phẩm là bản cáo trạng đánh thép lên án chủ nghĩa thực dân, đồng thời nêu lên những luận điểm cơ bản về vấn đề dân tộc và thuộc địa.



Hình 16: Bìa sách Bản án chế độ thực dân Pháp.



Hình 17: Nguyễn Ái Quốc được bầu vào Ban chấp hành tại Hội nghị Quốc tế Nông dân

Đầu năm 1923, Nguyễn Ái Quốc cho xuất bản báo Việt Nam Hồn bằng tiếng Việt, để giác ngộ lòng yêu nước, ý thức cách mạng cho Việt Kiều đang sống ở và gửi về kêu gọi đồng bào nổi dậy đấu tranh đánh đổ đế quốc Pháp, giành độc lập, tự do. Cùng năm, Người sang Liên Xô dự Hội nghị Quốc tế Nông dân và được bầu vào Ban Chấp hành Quốc tế Nông dân. Sau đó, Người tiếp tục theo học tại Trường Đại học

Phương Đông (Mátxcova). Tháng 6, 7 năm 1924, Nguyễn Ái Quốc tham dự Đại hội V Quốc tế Cộng sản. Tại đây, Người trình bày báo cáo quan trọng về phong trào cách mạng ở các nước thuộc địa. Báo cáo đã thu hút sự chú ý lớn, khẳng định tầm vóc lý luận và uy tín chính trị của Nguyễn Ái Quốc.



Hình 18: Nhà số 9 ngõ Compoin quận 17 Paris, nơi Nguyễn Ái Quốc đã ở năm 1920 đến năm 1923



Hình 19: Nguyễn Ái Quốc với một số đại biểu dự Đại hội 5 Quốc tế Cộng sản

Trong những năm 1920 -1924, Nguyễn Ái Quốc vừa miệt mài học tập, nghiên cứu lý luận cách mạng vô sản, vừa trực tiếp tham gia hoạt động cách mạng. Người đã góp phần quan trọng vào việc kết nối phong trào giải phóng dân tộc với cách mạng vô sản thế giới, đồng thời chuẩn bị những điều kiện đầu tiên cho sự ra đời của một Đảng cộng sản ở Việt Nam.

3. Giai đoạn 1924 - 1930

Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, phong trào yêu nước của nhân dân ta phát triển mạnh mẽ, đặt ra yêu cầu cấp bách phải có một đảng cộng sản để lãnh đạo cách mạng Việt Nam. Trước tình hình đó, Nguyễn Ái Quốc đã sang Liên Xô nghiên cứu học thuyết Mác - Lênin, tìm hiểu kinh nghiệm xây dựng đảng của giai cấp vô sản. Ngày 11 tháng 11 năm 1924, Người đến Quảng Châu (Trung Quốc).

Tại đây, Nguyễn Ái Quốc đã tập hợp thanh niên yêu nước, đào tạo cán bộ, truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin và tổ chức các lớp huấn luyện chính trị. Nhiều học viên sau này trở thành nòng cốt của phong trào cách mạng Việt Nam.

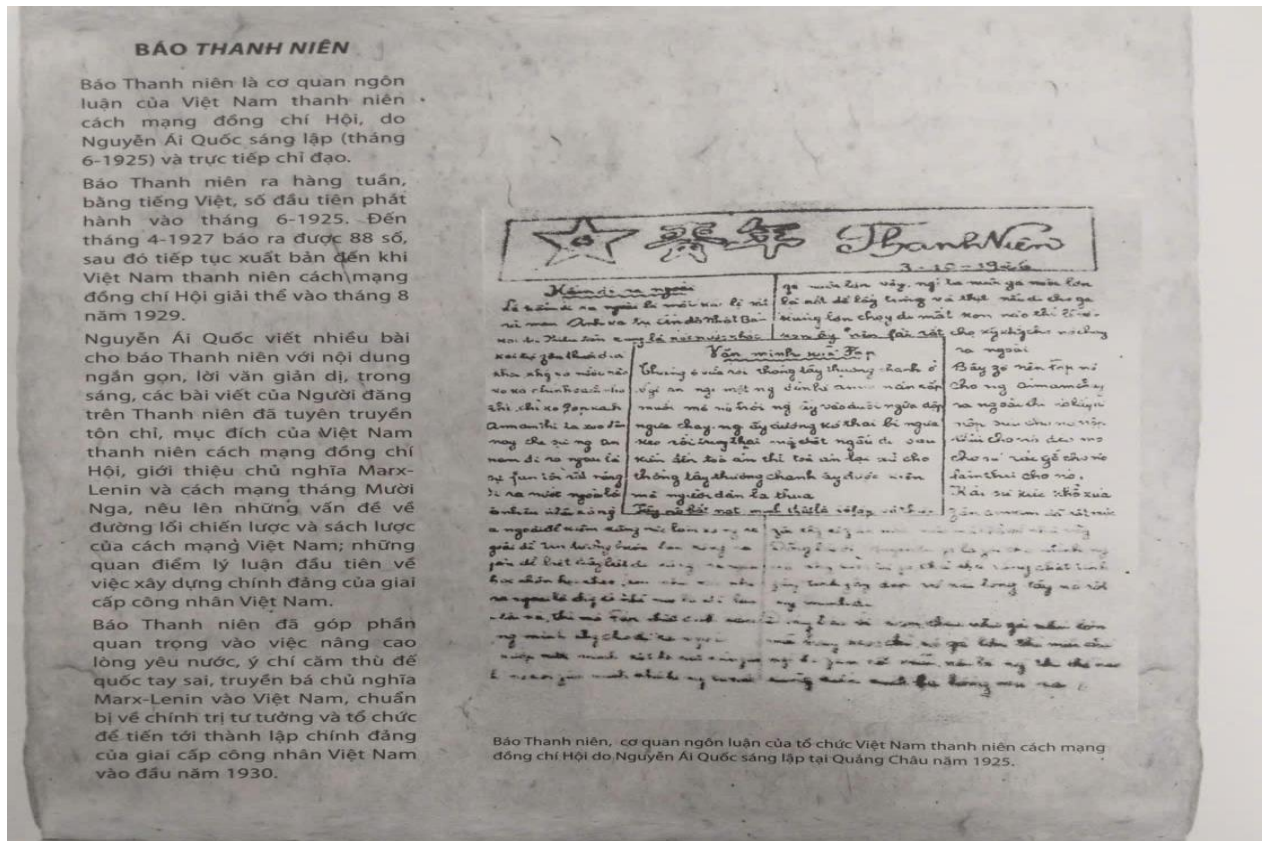


Hình 20: Nguyễn Ái Quốc tập hợp thanh niên yêu nước



Hình 21: Nhà số 13, nay là số 248-250 đường Văn Minh, Quảng Châu (Trung Quốc)

Tháng 6 năm 1925, Nguyễn Ái Quốc thành lập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên ở Quảng Châu. Hội là tổ chức tiên phong, góp phần truyền bá chủ nghĩa cộng sản, đoàn kết lực lượng yêu nước, chuẩn bị về chính trị, tư tưởng và tổ chức cho sự ra đời của một chính đảng vô sản ở Việt Nam. Hội còn xuất bản báo Thanh niên, đây là Cơ quan ngôn luận của Hội.



Hình 22: Báo Thanh niên

In và phát hành các tác phẩm như Bản án chế độ thực dân Pháp, Đường cách mệnh, cùng nhiều tài liệu khác.



Hình 23: Bản án chế độ thực dân Pháp



Hình 24: Tác phẩm Đường Kách Mệnh

Tháng 5 năm 1927, Nguyễn Ái Quốc rời Quảng Châu sang Moskva, rồi dự Hội nghị Ban Chấp hành mở rộng Quốc tế Cộng sản tại Brussels (Bỉ), đi Ý và trở về Xiêm (Thái Lan) vào mùa thu năm 1928.

Trong giai đoạn 1928 - 1929, phong trào cách mạng trong nước phát triển mạnh. Cuối năm 1929, một số tổ chức cộng sản lần lượt ra đời: An Nam Cộng sản Đảng, Đông Dương Cộng sản Đảng và Đông Dương Cộng sản Liên đoàn. Sự tồn tại song song của nhiều tổ chức cộng sản làm phân tán lực lượng, đặt ra yêu cầu phải thống nhất thành một đảng duy nhất.

Đầu năm 1930, dưới sự chủ trì của Nguyễn Ái Quốc, Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản được tổ chức tại Cửu Long (Hồng Kông, Trung Quốc). Hội nghị đã quyết định thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (3-2-1930).



Hình 25: Nguyễn Ái Quốc năm 1930

Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam là kết quả tất yếu của phong trào yêu nước và cách mạng Việt Nam, đồng thời thể hiện tầm vóc, công lao to lớn của Nguyễn Ái Quốc. Người đã có công chuẩn bị về chính trị, tư tưởng, tổ chức và cán bộ trong suốt 10 năm, đưa phong trào cách mạng Việt Nam bước sang một giai đoạn phát triển mới.

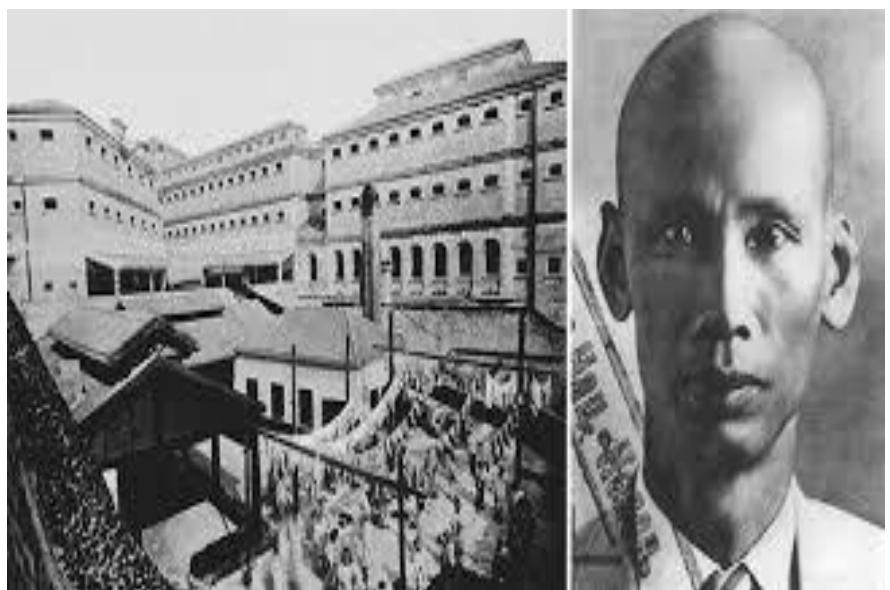


Hình 26: Các đại biểu tham dự Hội nghị thành lập Đảng năm 1930

4. Giai đoạn 1930- 1945

Sau khi thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (1930), Nguyễn Ái Quốc hoạt động ở Xiêm, Malaysia, Singapore và Hồng Kông để chỉ đạo cách mạng. Tháng 10/1930, tại Hồng Kông, Người chủ trì Hội nghị lần thứ nhất Ban chấp hành Trung ương Đảng. Hội nghị đã thảo luận và thông qua *Luận cương cách mạng tư sản dân quyền* và bầu Trần Phú làm Tổng Bí thư. Trong nước, cao trào Xô viết Nghệ Tĩnh (1930-1931) nổ ra, đánh dấu bước thử thách đầu tiên của Đảng.

Tháng 6/1931, Nguyễn Ái Quốc bị đế quốc Anh bắt giam trái phép ở Hồng Kông, nhưng nhờ sự đấu tranh quốc tế và luật pháp, Người



Hình 27: Ngục Victoria ở Hongkong, nơi giam giữ Nguyễn Ái Quốc (khi đó lấy tên là Tống Văn Sơ) gần 20 tháng (từ 6/6/1931-22/1/1933), trong thời gian Người hoạt động tại đây.

được trả tự do. Mùa xuân năm 1933, Người ra khỏi nhà lao của đế quốc Anh.

Sau đó, Người tiếp tục hoạt động, nghiên cứu tại Liên Xô,



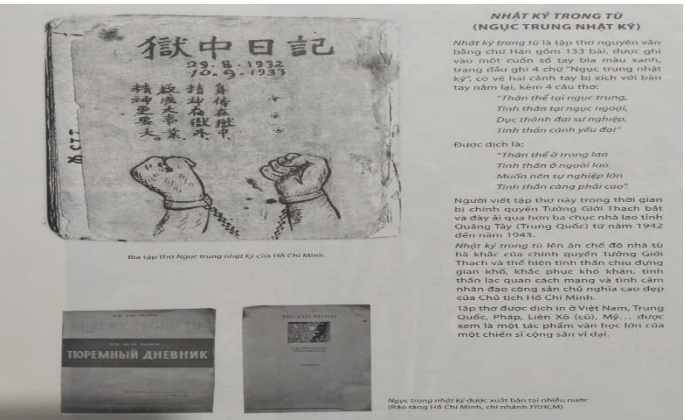
Hình 28: Thẻ đại biểu dự Đại hội 7 Quốc tế cộng sản của Nguyễn Ái Quốc năm 1935, ghi tên Lin



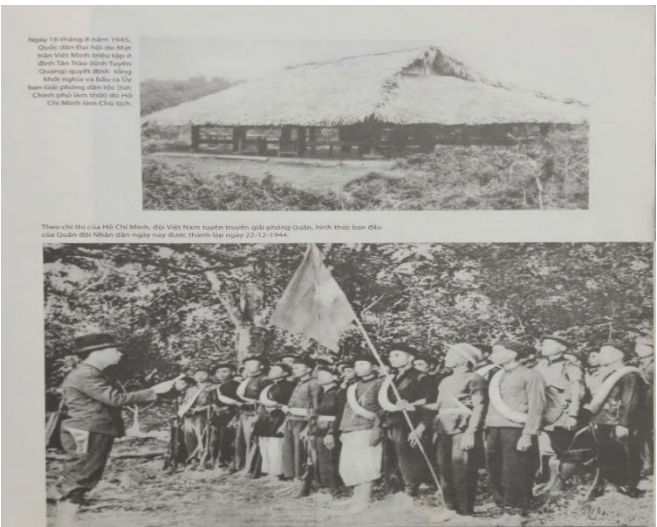
Hình 29: Trường Đại học Quốc tế Lê nin, nơi Nguyễn Ái Quốc học từ năm 1934- 1936

Tháng 10 năm 1938, Nguyễn Ái Quốc rời Liên Xô về Trung Quốc để chỉ đạo cách mạng. Năm 1941, Người về nước, chọn Cao Bằng làm căn cứ, trực tiếp lãnh đạo cách mạng, xây dựng lực lượng vũ trang, thành lập Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân.

Tháng 8/1942, Nguyễn Ái Quốc sang Trung Quốc liên lạc với các lực lượng quốc tế, bị chính quyền Tưởng Giới Thạch bắt giam, sau đó được trả tự do. Trong tù, Người viết *Nhật ký trong tù*, tác phẩm có giá trị lịch sử và văn học.

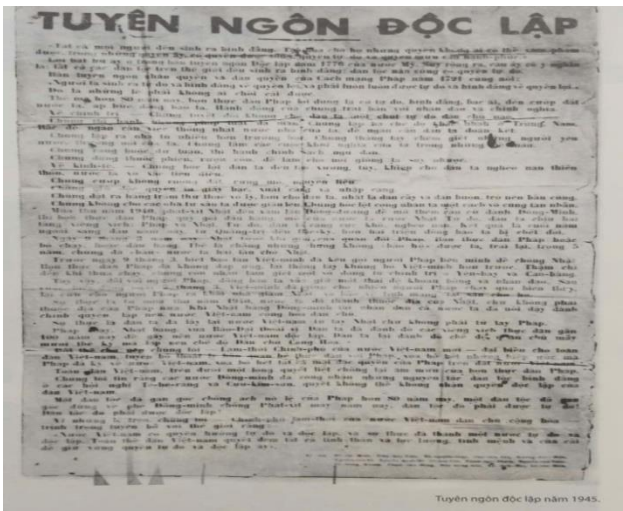


Hình 30: Tác phẩm Nhật ký trong tù



Hình 31: Nhân dân tổng khởi nghĩa

Ngày 2/9/1945, tại Quảng trường Ba Đình, Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc *Tuyên ngôn Độc lập*, khai sinh nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, mở ra kỷ nguyên mới cho dân tộc.



Hình 32: Bản Tuyên ngôn Độc lập

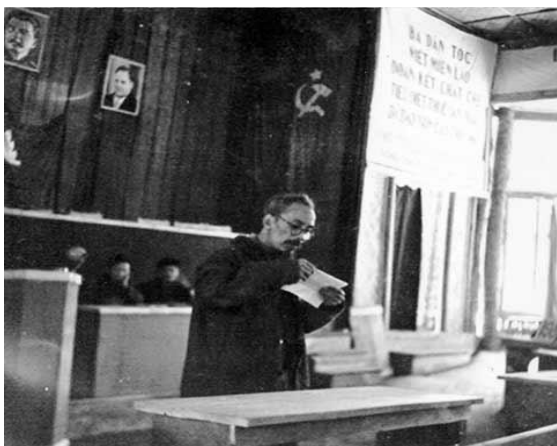


Hình 33: Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc Tuyên ngôn độc lập tại Quảng trường Ba Đình

5. Giai đoạn 1945 - 1954

Sau khi thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Chủ tịch Hồ Chí Minh lãnh đạo toàn dân xây dựng, củng cố chính quyền, chống giặc đói, giặc dốt và giặc ngoại xâm. Ngày 3/9/1945, trong phiên họp đầu tiên của Chính phủ, Người nêu rõ nhiệm vụ cấp bách. Ngày 6/1/1946, tổng tuyển cử bầu Quốc hội được tiến hành, ngày 2/3/1946, Quốc hội họp và bầu Hồ Chí Minh làm Chủ tịch nước.

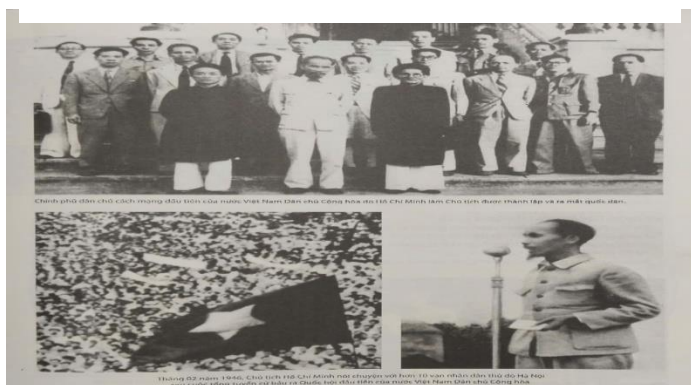
Trước dã tâm tái xâm lược của thực dân Pháp, ngày 19/12/1946, Hồ Chí Minh ra *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến*, khẳng định ý chí độc lập, đoàn kết kháng chiến toàn dân, toàn diện, lâu dài.



Hình 36: Chủ tịch Hồ Chí Minh trình bày Báo cáo Chính trị tại Đại hội Đảng lần thứ II (1951).



Hình 34: Chủ tịch Hồ Chí Minh



Hình 35: Bác Hồ kêu gọi Toàn quốc kháng chiến

Tháng 2/1951, Đại hội II của Đảng họp tại Chiêm Hóa, Tuyên Quang, quyết định đổi tên Đảng thành Đảng Lao động Việt Nam.



Hình 37: Bác Hồ và các vị lãnh đạo họp bàn Chiến dịch Điện Biên Phủ



Hình 38: Chiến dịch Điện Biên Phủ

Ngày 6/12/1953, Hồ Chí Minh và Bộ Chính trị quyết định mở chiến dịch Điện Biên Phủ. Người chỉ đạo Đại tướng Võ Nguyên Giáp thực hiện phương châm “đánh chắc, tiến chắc”. Sau 56 ngày đêm, ngày 7/5/1954, chiến dịch toàn thắng.

Hiệp định Genève (21/7/1954) được ký kết, Pháp phải công nhận độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam, Lào, Campuchia.

Chiến thắng Điện Biên Phủ và Hiệp định Genève đã chấm dứt ách thống trị của thực dân

Pháp ở Đông Dương, giáng đòn mạnh vào chủ nghĩa thực dân cũ trên toàn thế giới. “Việt Nam - Điện Biên Phủ - Hồ Chí Minh” trở thành biểu tượng cách mạng và khát vọng độc lập của nhân dân tiến bộ toàn cầu.



Hình 39: Chủ tịch Hồ Chí Minh sau kháng chiến chống thực dân Pháp thắng lợi

6. Giai đoạn 1954- 1969

Sau chiến thắng Điện Biên Phủ và Hiệp định Genève (1954), miền Bắc được giải phóng, bắt đầu xây dựng CNXH; miền Nam tiếp tục đấu tranh chống Mỹ và chính quyền Sài Gòn. Hồ Chí Minh cùng Trung ương Đảng lãnh đạo toàn dân thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược: xây dựng CNXH ở miền Bắc và đấu tranh thống nhất nước nhà.



Hình 40: Nhân dân Hà Nội nhiệt liệt chào mừng Trung ương Đảng, Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh chiến thắng trở lại Thủ đô

Trở lại Hà Nội, chủ tịch Hồ Chí Minh nêu rõ mục tiêu hòa bình, thống nhất, dân chủ, thực hiện tổng tuyển cử, mở rộng quan hệ quốc tế, đồng thời củng cố công tác xây dựng Đảng. Người luôn dành tình cảm sâu nặng cho miền Nam, theo dõi từng bước tiến của phong trào cách mạng.



Hình 41: Nhân dân Hà Nội phấn khởi chào mừng Trung ương Đảng, Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh trở về Thủ đô sau 9 năm kháng chiến trường kỳ gian khổ (1-1-1955)

Tháng 9/1960, Đại hội III Đảng Lao động Việt Nam xác định đường lối xây dựng CNXH ở miền Bắc và đấu tranh giải phóng miền Nam. Hồ Chí Minh tiếp tục được bầu làm Chủ tịch Đảng. Người đặc biệt quan tâm phát triển kinh tế, văn hóa, giáo dục, chăm lo đời sống nhân dân.



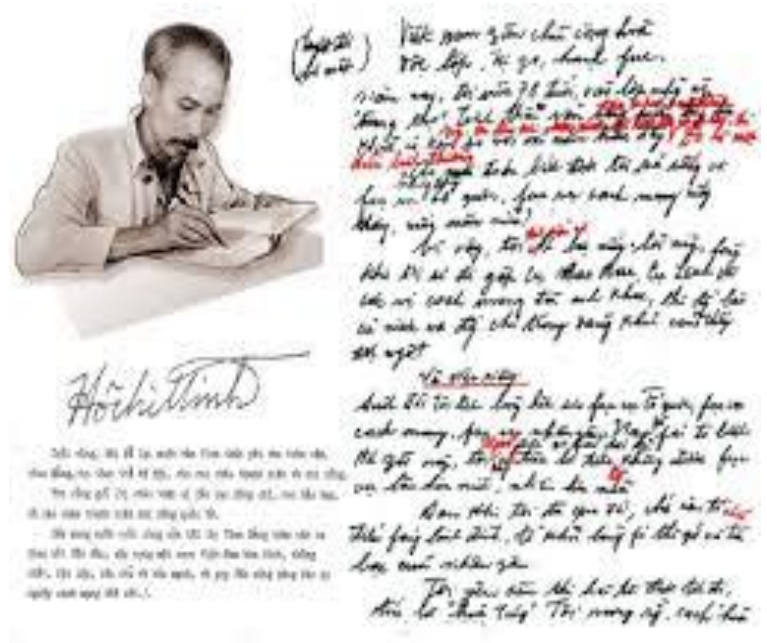
Trong sự nghiệp giải phóng miền Nam, Hồ Chí Minh luôn nhấn mạnh miền Bắc là hậu phương, miền Nam là tiền tuyến. Năm 1962, gửi đồng bào miền Nam, Người khẳng định: “*Miền Nam yêu quý luôn ở trong trái tim tôi*”, thể hiện niềm tin sớm giành thắng lợi.

Hình 42: Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng họp tại Thủ đô Hà Nội từ ngày 5 - 10/9/1960



Hình 43: Chủ tịch Hồ Chí Minh với các Anh hùng, Dũng sĩ diệt Mỹ trong Đoàn đại biểu Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam, tại Phủ Chủ tịch (28/2/1969)

Ngày 2/9/1969, Chủ tịch Hồ Chí Minh qua đời, để lại niềm tiếc thương vô hạn cho toàn dân tộc và bạn bè quốc tế. Trước lúc đi xa, Người để lại bản *Di chúc* lịch sử - những lời căn dặn cuối cùng, thể hiện tình cảm và niềm tin đối với Đảng, nhân dân và các thế hệ mai sau.



Hình 44: Bản *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh



Hình 45: Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại, sống mãi trong sự nghiệp của chúng ta

Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh đã hiến trọn cuộc đời cho sự nghiệp giải phóng dân tộc và xây dựng một xã hội mới ở Việt Nam. Với tầm nhìn chiến lược và tư duy cách mạng sáng tạo, Người không chỉ tìm ra con đường cứu nước đúng đắn, mà còn đặt nền móng lý luận, tổ chức và thực tiễn cho cách mạng Việt Nam hiện đại. Di sản tư tưởng, đạo đức và phong cách Hồ Chí Minh trở thành giá trị bền vững, tiếp tục định hướng và soi sáng tiến trình phát triển của dân tộc.